

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐIỀN DÃ NGÔN NGỮ HỌC
CỦA KHOA NGÔN NGỮ HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI
VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY**

VÔ TUẤN VŨ¹

TÔ KHÁNH DUY²

Abstract: Although the field research for students majoring in Linguistics in VNUHCM University of Social Sciences and Humanities share some common features with other majors, it also has distinct features. The article presents results of the survey of the organization of the field research for students majoring in Linguistics including processes such as preparation of all necessary and supporting conditions, conducting field research and assessing the outcomes of the field research activities,...

Keywords: *Field Linguistics, the reality of the organization, Faculty of Linguistics, student.*

1. Đặt vấn đề

Chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ học là chương trình đào tạo cung cấp cho người học những kiến thức về ngôn ngữ học, Việt ngữ học thông qua các môn học cơ sở: ngữ âm học, từ vựng học, cú pháp học, ngữ nghĩa học,... Ngoài ra, chương trình còn chú trọng đến công tác nghiên cứu ngôn ngữ thông qua thực tập thực tế tại địa phương bằng hoạt động điền dã ngôn ngữ học (ĐDNNH). Theo Gonczi, Hager, Paul, Athanasou, James A. (1993), các cơ sở giáo dục đại học cần phải xây dựng một chương trình đào tạo tối ưu nhằm giúp sinh viên không chỉ nắm bắt được lý thuyết một cách sâu sắc, triệt để, mà còn phải có năng lực thực tiễn và kỹ năng... [3]. Người học Ngôn ngữ học cần phải quan sát và nghiên cứu ngôn ngữ của các cộng đồng bản địa dựa trên thực tế hoạt động của ngôn ngữ đó, từ đó có giải pháp phù hợp để phát triển ngôn ngữ và văn hóa của địa phương.

2. Một số vấn đề lý luận

2.1. Điền dã ngôn ngữ học

Điền dã ngôn ngữ học (field linguistics) thường quan niệm như là một thủ pháp, một cách thu thập phân tích, xử lý cứ liệu ngôn ngữ sơ cấp trong những hình thức ngữ pháp cơ bản bằng phương pháp nhân chứng (witness method) hay phương pháp tiếp xúc (contact method) [7].

Theo *Quy chế đào tạo trình độ đại học* (Ban hành theo Quyết định số: 268/QĐ-XHNV-ĐT ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh) [5, tr.21] và *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học* [6, tr.5], hoạt động điền dã ngôn ngữ học là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của Khoa Ngôn ngữ học, thể hiện qua môn Điền dã ngôn ngữ học 2 tín chỉ và Thực tập thực tế 4 tín chỉ.

2.2. Mục đích của hoạt động điền dã ngôn ngữ

Về kiến thức: hoạt động điền dã giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản, vị trí, vai trò

^{1,2} Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

của ngôn ngữ học điền dã trong các chuyên ngành ngôn ngữ học; mục đích của ngôn ngữ học điền dã; phương pháp/ thủ pháp nghiên cứu của ngôn ngữ học điền dã [6, tr.2].

Về kĩ năng: hoạt động điền dã giúp sinh có kỹ năng tổ chức, thực hiện một cuộc điền dã ngôn ngữ học: xây dựng hồ sơ ngữ liệu (ngữ âm, từ vựng/ từ điển, hình thái học, ngữ pháp); thành thạo ít nhất một phần mềm khảo sát âm học; thiết lập mối quan hệ với địa phương, cộng đồng trong đợt điền dã [6, tr.2].

Về thái độ: hoạt động điền dã giúp sinh viên hình thành thái độ làm việc cẩn trọng, tôn trọng cộng tác viên và người bản ngữ; sống chan hòa với cộng đồng [6, tr.2].

2.3. Nội dung của ĐDNNH

Hoạt động ĐDNNH cung cấp cho sinh viên biết những nội dung chuẩn bị trước cho một đợt nghiên cứu điền dã như: xác định rõ mục đích nghiên cứu điền dã; chuẩn bị nội dung thông qua chuẩn bị câu hỏi/bảng hỏi; chuẩn bị công cụ, máy móc thủ tục hành chính, giao thông và tìm hiểu địa bàn phục vụ cho nghiên cứu điền dã,...

Ngoài ra, ĐDNNH còn nêu rõ những tình huống xảy ra cần được xử lý trong quá trình tổ chức nghiên cứu tại địa bàn như: vấn đề chọn người cung cấp tư liệu và cộng tác viên; vấn đề thời tiết trong quá trình tổ chức nghiên cứu tại địa bàn; một số tình huống hành chính – xã hội,...

Không chỉ vậy, nội dung thực tập này giúp cho SV có thể xử lý tư liệu ngay sau khi nghiên cứu điền dã tại địa bàn như: kiểm tra tư liệu đã thu thập, thực tập xử lý tư liệu bằng máy móc, dụng cụ.

2.4. Phương thức tổ chức hoạt động

Về địa điểm, khoa Ngôn ngữ học thường tổ chức hoạt động điền dã tại các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nguyên như: Ê đê, Cơ Ho, Stiêng,... thuộc các tỉnh như Đắk Nông, Đắk Lắk, Lâm Đồng,...

Về thời gian, sinh viên tiến hành hoạt động điền dã ngôn ngữ học trong khoảng 2 tuần.

Về cách thức tổ chức, sinh viên di chuyển đến địa bàn sau khi đã được Khoa liên hệ, được sắp xếp nơi ở và làm việc cụ thể, ưu tiên sống cùng người dân. Sau đó, sinh viên tiến hành liên lạc với cộng tác viên và hoàn thành nhiệm vụ đã được giao trước khi đi. Ngoài ra, sinh viên có thể giao lưu văn hóa, tìm hiểu bản sắc dân tộc của cộng đồng.

3. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Để có cái nhìn khái quát và khách quan về hoạt động ĐDNNH của Khoa Ngôn ngữ học trong thời gian qua, chúng tôi khảo sát 68 sinh viên là các sinh viên đã tham gia thực tập thực tế từ các khóa 2014 đến khóa 2018 (trừ khóa 2017 - do không tổ chức vì dịch bệnh) và 9 cán bộ, giảng viên tham gia hướng dẫn công tác điền dã ngôn ngữ học qua các năm. Tổng cộng có 79 người được khảo sát.

3.2. Nội dung nghiên cứu

Nội dung khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động điền dã ngôn ngữ học của khoa Ngôn ngữ học Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TPHCM gồm: Thực trạng công tác chuẩn bị hoạt động điền

đã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học; Thực trạng công tác triển khai, tổ chức hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học; Thực trạng nội dung của hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học; Thực trạng điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học; Thực trạng việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học. Thời gian khảo sát: 07/2021.

3.3. Phương pháp nghiên cứu

- Nhóm phương pháp lí luận: Phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá các tài liệu lí luận chuyên ngành và nghiên cứu các tài liệu về tổ chức môn học và quản lí giáo dục kinh điển liên quan.

- Nhóm phương pháp thực tiễn: để tiến hành khảo sát, chúng tôi đã xây dựng phiếu điều tra thực trạng quản lí hoạt động trải nghiệm.

- Xử lí kết quả khảo sát: Sử dụng công thức toán học và phần mềm SPSS và Excel để xử lí kết quả khảo sát theo các chỉ số: tỉ lệ %, điểm trung bình cộng, xếp hạng cho từng nội dung nghiên cứu.

- Chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ. Quy ước về cách xác định thang điểm và mức độ đánh giá theo thang điểm khảo sát, khảo nghiệm. Cụ thể: Chưa tốt (1,00 - 1,80); Khá (1,81 - 2,60); Trung bình (2,61 - 3,40); Tốt (3,41 - 4,20) và Rất tốt 4,21 - 5,00).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng công tác chuẩn bị hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

Bảng 1. Đánh giá công tác chuẩn bị hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ										ĐTB	Thứ hạng
			1		2		3		4		5			
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		
1	Có xây dựng và bố trí kế hoạch giảng dạy môn học TTTT trong chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ học	SV	0	0	1	1,5	15	22,1	36	52,9	16	23,5	3,99	11
		GV	0	0	0	0	0	0,0	8	88,9	1	11,1	4,11	9
2	Xây dựng kế hoạch TTTT cho SV chi tiết, cụ thể, rõ ràng	SV	1	1,5	0	0	13	19,1	36	52,9	18	26,5	4,03	10
		GV	0	0	0	0	0	0,0	7	77,8	2	22,2	4,22	7
3	Lập danh sách SV đủ điều kiện tham gia TTTT	SV	0	0	0	0	7	10,3	35	51,5	26	38,2	4,28	4
		GV	0	0	0	0	0	0,0	4	44,4	5	55,6	4,56	1
4	Thành lập đoàn giảng viên hướng dẫn, Trưởng Đoàn, Phó Đoàn	SV	0	0	0	0	7	10,4	31	46,3	29	43,3	4,26	6
		GV	0	0	0	0	0	0,0	4	44,4	5	55,6	4,56	1
5	Khoa chuẩn bị địa bàn thực tập: bố trí nhóm, liên hệ với địa phương	SV	0	0	0	0	12	17,6	29	42,6	27	39,7	4,22	7
		GV	0	0	0	0	0	0,0	5	55,6	4	44,4	4,44	6
6	Lập các nhóm TTTT theo nguyện vọng của SV	SV	0	0	0	0	5	7,5	31	46,3	31	46,3	4,32	1
		GV	0	0	0	0	1	11,1	5	55,6	3	33,3	4,22	7

7	Quy định, ban hành và phổ biến nội quy TTTT cho GV và SV	SV	0	0	0	0	7	10,3	33	48,5	28	41,2	4,31	2
		GV	0	0	0	0	0	0,0	4	44,4	5	55,6	4,56	1
8	Chuẩn bị hồ sơ, biểu mẫu cho SV và GV	SV	0	0	1	1,5	7	10,3	32	47,1	28	41,2	4,28	4
		GV	0	0	0	0	1	11,1	2	22,2	6	66,7	4,56	1
9	Kinh phí, thù lao TTTT được kê khai rõ ràng, chi tiết	SV	0	0	2	2,9	16	23,2	31	44,9	20	29,0	4,06	8
		GV	0	0	0	0	0	0,0	4	44,4	5	55,6	4,56	1
10	Tập huấn phổ biến một số nghiệp vụ, kỹ năng; giới thiệu địa bàn cụ thể cho SV và GV	SV	0	0	2	2,9	11	16,2	36	52,9	19	27,9	4,06	8
		GV	0	0	0	0	0	0,0	8	88,9	1	11,1	4,11	9
11	GVHD theo sát và hướng dẫn chi tiết các công việc cần chuẩn bị trước khi đi	SV	0	0	0	0	11	15,9	30	43,5	28	40,6	4,31	2
		GV	0	0	0	0	0	0,0	9	100,0	0	0,0	4	11

Theo kết quả từ Bảng 1, mức độ đánh giá thực trạng công tác chuẩn bị hoạt động ĐDNH thông qua môn học TTTT của GV và SV có nhiều điểm khác nhau.

Đối với giảng viên, có 5 tiêu chí được đánh giá cao với điểm trung bình là 4,56, nghĩa là tình hình thực hiện các nội dung này của Khoa Ngôn ngữ học cơ bản đã ổn định và hoàn thiện, cụ thể là các tiêu chí (3), (4), (7), (8), (9). Thực tế từ nhiều năm thực hiện công tác này, chúng tôi nhận thấy nhà Trường đã có những quy định tương đối cụ thể và rõ ràng, phù hợp với tình hình của sinh viên và các Khoa, trong đó có khoa Ngôn ngữ học. Cán bộ phụ trách hoạt động ĐDNH của Khoa cũng nắm bắt rõ quy trình để chuẩn bị hiệu quả. Tuy nhiên, tiêu chí (11) được đánh giá thấp nhất với điểm trung bình là 4.00. Nguyên nhân có thể là do quá trình chuẩn bị chỉ tập trung cán bộ phụ trách hồ sơ (Trưởng đoàn và Phó đoàn) nên GVHD chưa theo sát và hướng dẫn chi tiết công việc cần chuẩn bị; ngoài ra, việc tập huấn những năm gần đây cũng chủ yếu tập trung vào GV giảng dạy môn ĐDNH và Trưởng Đoàn, Phó Đoàn.

Đối với sinh viên, tiêu chí được đánh giá cao nhất là tiêu chí (3) với điểm trung bình là 4,32. Việc sống chung và cùng làm việc trong 02 tuần rất cần sự thấu hiểu và đoàn kết cao, chính vì vậy, Khoa luôn để sinh viên tự lập nhóm theo số lượng yêu cầu trước, sinh viên tự do chọn cộng sự. Ngược lại tiêu chí (1) được đánh giá thấp nhất với 3,99 điểm. Lí do là vì từng năm, nhà Trường và Khoa sẽ có kế hoạch khác nhau về thời gian, cho nên sinh viên thường bị động trong việc biết về kế hoạch giảng dạy môn học này.

Nhìn chung, công tác chuẩn bị hoạt động ĐDNH của Khoa Ngôn ngữ học được những người đánh giá khá cao, nhưng có nhiều khác biệt. Khoa cần cải thiện công tác chuẩn bị kỹ hơn, nhất là ở các tiêu chí được đánh giá thấp nhất.

4.2. Thực trạng công tác triển khai, tổ chức hoạt động diễn dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

Theo kết quả khảo sát, công tác triển khai, tổ chức hoạt động ĐDNH thông qua môn học TTTT được Khoa quan tâm tổ chức. Cụ thể kết quả như bảng sau:

Bảng 2. Kết quả đánh giá công tác triển khai, tổ chức hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ										ĐTB	Thứ hạng
			1		2		3		4		5			
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		
1	Tổ chức, bàn giao, hướng dẫn liên lạc GV, địa phương cho nhóm SV	SV	0	0	2	2,9	11	16,2	35	51,5	20	29,4	4,07	7
		GV	0	0	0	0	0	0	7	77,8	2	22,2	4,22	7
2	Phân công xe di chuyên, địa bàn và nơi ở cho SV	SV	0	0	2	2,9	13	19,1	26	38,2	27	39,7	4,15	6
		GV	0	0	0	0	0	0	4	44,4	5	55,6	4,56	1
3	Tổ chức lễ ra mắt hoặc buổi gặp gỡ giữa SV và địa phương	SV	1	1,4	3	4,3	19	27,5	30	43,5	16	23,2	3,88	8
		GV	0	0	0	0	2	22,2	4	44,4	3	33,3	4,11	8
4	GVHD họp nhóm SV tại địa bàn và phân công, giao nhiệm vụ cụ thể	SV	0	0	0	0,0	12	17,6	30	44,1	26	38,2	4,21	5
		GV	0	0	0	0	1	11,1	4	44,4	4	44,4	4,33	3
5	GVHD thường xuyên liên lạc với SV và giải đáp các thắc mắc, hỗ trợ SV	SV	0	0	0	0,0	6	8,8	30	44,1	32	47,1	4,38	2
		GV	0	0	0	0	0	0	6	66,7	3	33,3	4,33	3
6	SV báo cáo tiến độ công việc hàng ngày cho GV	SV	0	0	1	1,5	7	10,3	34	50,0	26	38,2	4,25	4
		GV	0	0	0	0	0	0	6	66,7	3	33,3	4,33	3
7	Tác phong, thái độ làm việc của SV tại địa phương	SV	0	0	0	0,0	6	8,7	34	49,3	29	42,0	4,4	1
		GV	0	0	0	0	0	0	5	55,6	4	44,4	4,44	2
8	Mức độ phối hợp, hỗ trợ của địa phương đối với đoàn thực tập và với Khoa, Trường	SV	0	0	1	1,4	10	14,5	29	42,0	29	42,0	4,31	3
		GV	0	0	0	0	1	11,1	4	44,4	4	44,4	4,33	3

Đối với giảng viên, tiêu chí (2) được đánh giá cao nhất với 4,56 điểm, tiêu chí (3) được đánh giá thấp nhất với 4,11 điểm. Đối với sinh viên, tiêu chí được đánh giá cao nhất là tiêu chí (7) với 4,4 điểm, tiêu chí (3) được đánh giá thấp nhất với 3,88 điểm. Nguyên nhân được cho là do thông thường mỗi nhóm đến địa bàn vào thời gian khá trễ, tập trung ngày vào việc sắp xếp chỗ ăn ở, sau đó hoạt động ra mắt do SV chủ động.

Nhìn chung, sự đánh giá các tiêu chí của sinh viên và giảng viên có sự khác nhau. Đặc biệt, tiêu chí (3) *Tổ chức lễ ra mắt hoặc buổi gặp gỡ giữa SV và địa phương* đều được giảng viên và sinh viên đánh giá thấp nhất, cần được quan tâm cải thiện nhiều hơn bên cạnh các tiêu chí còn lại.

4.3. Thực trạng nội dung của hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

Kết quả khảo sát các tiêu chí về nội dung của hoạt động điền dã tiếp tục nhận được sự đánh giá khác nhau ở giảng viên và sinh viên. Cụ thể như sau:

Bảng 3. Kết quả đánh giá thực trạng nội dung của hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ										ĐTB	Thứ hạng
			1		2		3		4		5			
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		
1	Nội dung điền dã về tiếng dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nguyên (Mnông, Ê Đê,...)	SV	0	0	0	0,0	13	19,1	36	52,9	19	27,9	4,09	3
		GV	0	0	0	0	0	0,0	6	66,7	3	33,3	4,33	4
2	Dịch bảng từ cơ bản tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số tại địa bàn TTTT	SV	0	0	1	1,4	18	25,7	35	50,0	16	22,9	4,06	5
		GV	0	0	0	0	2	22,2	6	66,7	1	11,1	3,89	7
3	Dịch các mẫu câu giao tiếp hàng ngày từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số tại địa bàn TTTT	SV	0	0	5	7,4	16	23,5	32	47,1	15	22,1	3,84	10
		GV	0	0	0	0	2	22,2	6	66,7	1	11,1	3,89	7
4	Thực hiện đề tài nghiên cứu về ngôn ngữ tại địa bàn TTTT	SV	0	0	2	3,0	26	38,8	27	40,3	12	17,9	3,68	11
		GV	0	0	0	0	3	33,3	4	44,4	2	22,2	3,89	7
5	Ghi âm cách phát âm các từ vựng và mẫu câu của ngôn ngữ tại địa bàn	SV	0	0	0	0,0	14	20,6	37	54,4	17	25,0	4,04	7
		GV	0	0	0	0	0	0,0	4	44,4	5	55,6	4,56	2
6	Viết nhật kí điền dã	SV	2	3	1	1,5	19	27,9	26	38,2	20	29,4	3,9	9
		GV	0	0	0	0	4	44,4	3	33,3	1	11,1	3,22	11
7	Viết báo cáo về hoạt động điền dã 14 ngày tại địa phương	SV	1	1	0	0,0	6	9,0	41	61,2	19	28,4	4,09	3
		GV	0	0	0	0	1	11,1	5	55,6	3	33,3	4,22	5
8	Thời gian thực tập 14 ngày (2 ngày di chuyển đến địa bàn, 12 ngày thực tập tại địa bàn)	SV	0	0	0	0,0	10	14,7	30	44,1	28	41,2	4,26	2
		GV	0	0	0	0	0	0,0	7	77,8	2	22,2	4,22	5
9	Giao lưu văn hóa, văn nghệ, tham gia các hoạt động với địa phương	SV	2	3	1	1,5	14	20,9	24	35,8	26	38,8	4	8
		GV	0	0	0	0	3	33,3	3	33,3	2	22,2	3,44	10
10	Tìm kiếm cộng tác viên hỗ trợ quá trình TTTT	SV	1	1	1	1,5	14	20,6	29	42,6	23	33,8	4,06	5
		GV	0	0	0	0	2	22,2	4	44,4	4	44,4	4,67	1
11	Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với cộng tác viên, người dân, cán bộ lãnh đạo địa phương	SV	0	0	0	0,0	6	8,8	33	48,5	29	42,6	4,34	1
		GV	0	0	0	0	0	0,0	4	44,4	5	55,6	4,56	2

Đối với giảng viên, tiêu chí (10) được đánh giá cao nhất với 4,67 điểm, trong khi đó, tiêu chí (6) được đánh giá thấp nhất với 3,22 điểm. Đối với sinh viên, tiêu chí (11) được đánh giá cao nhất với 4,34 điểm, ngược lại, tiêu chí được đánh giá thấp nhất là tiêu chí (4) với 3,68 điểm.

Có thể thấy, sự đánh giá của giảng viên và sinh viên là khác nhau. Các tiêu chí được khảo sát ở sinh viên có 3 tiêu chí dưới 4,0 điểm. Trong khi đó, các tiêu chí được khảo sát ở giảng viên có đến 5 tiêu chí dưới 4,0 điểm. Do vậy, cần quan tâm đến chất lượng nội dung của hoạt động điền dã nhiều hơn.

4.4. Thực trạng điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

Các tiêu chí về điều kiện hỗ trợ của hoạt động điền dã tiếp tục có sự đánh giá khác nhau của 2 đối tượng được khảo sát, cụ thể như sau:

Bảng 4. Kết quả đánh giá thực trạng điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

T T	Nội dung	Đối tượng	Mức độ										ĐTB	Thứ hạng
			1		2		3		4		5			
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		
1	Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện sinh hoạt, ăn ở cho SV và GV	SV	0	0	1	1,4	10	14,5	40	58,0	18	26,1	4,15	3
		GV	0	0	0	0	0	0,0	3	33,3	6	66,7	4,67	1
2	Tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia tổ chức, GVHD và SV (được phép hoãn lịch học/day, các công việc khác,...)	SV	0	0	1	1,5	7	10,3	38	55,9	22	32,4	4,19	1
		GV	0		0	0	0	0,0	5	55,6	4	44,4	4,44	2
3	Tạo điều kiện về trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm, thuốc, đồ dùng cá nhân,...	SV	0	0	1	1,5	11	16,2	42	61,8	14	20,6	4,01	5
		GV	0		0	0	2	22,2	5	55,6	2	22,2	4	5
4	Kinh phí TTTT	SV	1	1,5	1	1,5	18	26,5	35	51,5	13	19,1	3,85	6
		GV	0		0	0	3	33,3	4	44,4	2	22,2	3,89	6
5	Địa phương (Cán bộ, người dân,...) tạo điều kiện về mọi mặt cho SV	SV	1	1,5	0	0	13	19,1	33	48,5	21	30,9	4,07	4
		GV	0		0	0	0	0,0	7	77,8	2	22,2	4,22	3
6	Theo dõi, giám sát, động viên, hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi và an toàn cho SV	SV	0	0	1	1,5	10	14,7	33	48,5	24	35,3	4,18	2
		GV	0		0	0	0	0,0	7	77,8	2	22,2	4,22	3

Đối với giảng viên, tiêu chí được đánh giá cao nhất là tiêu chí (1) với 4,67 điểm, tiêu chí được đánh giá thấp nhất là tiêu chí (4) với 3,89 điểm. Các tiêu chí còn lại được đánh giá dao động từ 4,00 đến 4,44 điểm. Đối với sinh viên, tiêu chí được đánh giá cao nhất là tiêu chí (2) với 4,19 điểm, tiêu chí (4) cũng được đánh giá thấp nhất với 3,85 điểm.

Có thể thấy rằng, tiêu chí (4) *Kinh phí TTTT* đều được đánh giá thấp nhất với 3,89 và 3,85 điểm. Nhìn chung, Khoa Ngôn ngữ học quan tâm đến điều kiện hỗ trợ cho hoạt động điền dã, tuy nhiên, vẫn cần có những đánh giá và cải thiện công tác này.

4.5. Thực trạng việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

Theo kết quả Bảng 5, sự đánh giá của giảng viên và sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá hoạt động điền dã của Khoa cũng có sự khác nhau:

Bảng 5. Kết quả đánh giá thực trạng việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ										ĐTB	Thứ hạng
			1		2		3		4		5			
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		
1	Hướng dẫn biểu mẫu báo cáo, đánh giá và sản phẩm phải hoàn thành cho SV	SV	0	0	2	2,9	12	17,4	37	53,6	18	26,1	4,09	1
		GV	0	0	0	0	0	0,0	9	100,0	0	0,0	4	4
2	Có tiêu chí, thang điểm đánh giá kết quả của SV	SV	0	0	3	4,5	12	17,9	31	46,3	21	31,3	3,99	6
		GV	0	0	0	0	1	11,1	7	77,8	1	11,1	4	4
3	Tổ chức họp rút kinh nghiệm sau TTTT đối với GV hoặc họp tổng kết với SV vào cuối kì TTTT	SV	1	1,5	2	2,9	18	26,5	28	41,2	19	27,9	3,91	7
		GV	0	0	0	0	1	11,1	6	66,7	2	22,2	4,11	2
4	Tổ chức khen thưởng, kỷ luật tập thể, cá nhân	SV	3	4,3	3	4,3	20	29,0	27	39,1	16	23,2	3,78	8
		GV	0	0	0	0	3	33,3	5	55,6	1	11,1	3,78	8
5	Kết quả đánh giá khách quan, đúng thực tế kết quả hoạt động của SV	SV	0	0	2	2,9	14	20,6	33	48,5	19	27,9	4,01	3
		GV	0	0	0	0	1	11,1	7	77,8	1	11,1	4	4
6	Kiểm tra tiến độ tổ chức, thực hiện, sinh hoạt, ăn ở của từng nhóm SV	SV	0	0	3	4,5	12	17,9	29	43,3	23	34,3	4,01	3
		GV	0	0	0	0	1	11,1	7	77,8	1	11,1	4	4
7	Kiểm tra đánh giá vai trò của GV đối với SV trong quá trình TTTT	SV	0	0	2	2,9	14	20,6	29	42,6	23	33,8	4,07	2
		GV	0	0	0	0	0	0,0	8	88,9	1	11,1	4,11	2
8	Phối hợp chặt chẽ các lực lượng tham gia (GV, Trường/ Phó nhóm SV, Trường/Phó đoàn) trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả	SV	0	0	3	4,4	16	23,5	27	39,7	22	32,4	4	5
		GV	0	0	0	0	0	0,0	7	77,8	2	22,2	4,22	1

Đối với giảng viên, tiêu chí được đánh giá cao nhất là tiêu chí (8) với 4,22 điểm, tiêu chí được đánh giá thấp nhất là (4) với 3,78 điểm. Các tiêu chí còn lại dao động từ 4,00 đến 4,11 điểm. Đối với sinh viên, tiêu chí được đánh giá cao nhất là (1) với 4,09 điểm, tiêu chí được đánh giá thấp nhất là (4) với 3,78 điểm. Các tiêu chí còn lại dao động từ 3,91 đến 4,07 điểm.

Mặc dù có sự khác nhau ở tiêu chí được đánh giá cao nhất, nhưng tiêu chí được đánh giá thấp nhất lại có sự tương đồng, là tiêu chí (4) *Tổ chức khen thưởng, kỉ luật tập thể, cá nhân*. Điều này xuất phát từ thực tế kết quả đánh giá chỉ thể hiện qua điểm số của môn học, chưa có hình thức thi đua, khen thưởng đối với SV.

5. Đánh giá chung và một số biện pháp đề xuất

5.1. Đánh giá chung

** Ưu điểm:*

Như đã trình bày ở trên, hầu hết vấn đề liên quan đến điều kiện hỗ trợ và kinh phí tổ chức hoạt động đã được lên kế hoạch kĩ lưỡng, được nâng cấp theo tình hình thực tế và cải thiện hàng năm. Chính vì vậy chất lượng hoạt động không ngừng được nâng cao từng năm. Thêm vào đó, đa số GV, cán bộ quản lí Khoa, Trường có những nhận thức và định hướng đúng đắn về chuyên môn của hoạt động này, có cái nhìn đúng đắn về vai trò, bản chất và tầm quan trọng của hoạt động điền dã.

Công tác quản lí xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá hoạt động điền dã đi vào nề nếp, kỉ luật, đúng quy trình. Công tác quản lí hoạt động luôn đảm bảo nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức theo quy định, các điều kiện đảm bảo hoạt động đã được CBQL Khoa và Nhà trường quan tâm và dần dần cải thiện để đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu của hoạt động.

Khoa Ngôn ngữ học trong nhiều năm đã thực hiện đa dạng địa bàn với mục tiêu không đi lại địa bàn đã thực tập, sử dụng nhiều nội dung, yêu cầu đa dạng để đánh giá kết quả thực tập thực tế, trong đó một số phương pháp được sử dụng thường xuyên và hiệu quả. Điều này giúp cho GV và SV có điều kiện mở rộng mối quan hệ hiểu biết nhau hơn, số đông SV có cơ hội gần gũi, tìm hiểu giúp đỡ nhau trong học tập, trao đổi khoa học, mở rộng quan hệ giao lưu, hình thành các chuẩn mực giá trị đạo đức, kĩ năng giao tiếp, năng lực ứng xử.

** Hạn chế*

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được trong quá trình tổ chức hoạt động điền dã, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Cơ sở vật chất, điều kiện hỗ trợ, nguồn lực để thực hiện hoạt động điền dã chưa đáp ứng được yêu cầu cho nên hoạt động còn nhiều sự cố.

- Các hình thức, phương pháp, nội dung hoạt động chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn và nguyện vọng.

- Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động điền dã chưa thống nhất, chuẩn kiểm tra đánh giá, khen thưởng cho hoạt động này chưa rõ ràng, chưa đúng đồng bộ với toàn đoàn.

5.2. Một số biện pháp đề xuất tổ chức hoạt động điền dã ngôn ngữ học ở Khoa Ngôn ngữ học

Nhìn nhận thực tế từ kết quả khảo sát thực trạng trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp tổng quát và cụ thể sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của Phòng ban liên quan (Phòng Đào Tạo, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Công tác sinh viên), Ban chỉ đạo, giảng viên Khoa Ngôn ngữ học, GV hướng dẫn và

SV về vai trò, mục đích, kinh phí, nội dung, phương thức tổ chức, đánh giá hoạt động điền dã của SV ngành Ngôn ngữ học.

Thứ hai, cần phối hợp chặt chẽ giữa các tập thể, cá nhân tổ chức, hướng dẫn TTTT của SV để thống nhất về nội dung, đánh giá nội dung thực tập điền dã; Tổ chức, chỉ đạo, đào tạo, tập huấn cho SV ngành Ngôn ngữ học; Điều chỉnh, bổ sung các biểu mẫu thực tập thực tế theo mục tiêu: chính xác, đơn giản, tiện lợi; tạo điều kiện thuận lợi cho SV về thời gian, cơ sở vật chất, kinh phí, chuẩn bị tâm lý cho GV hướng dẫn tốt hơn để hướng dẫn TTTT cho SV.

Thứ ba, Khoa Ngôn ngữ học, cán bộ phụ trách TTTT cần có kế hoạch cụ thể và chủ động hơn trong hoạt động đào tạo và tổ chức hoạt động điền dã chu đáo, thường xuyên đạt hiệu quả nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ.

6. Kết luận

Thông qua việc tìm hiểu hoạt động thực tập thực tế của Khoa, chúng tôi nhận thấy hoạt động này vẫn còn nhiều hạn chế, tồn đọng trong nhiều khóa học. Hoạt động thực tế chỉ dừng lại ở việc phiên âm âm vị học mà không quan tâm đến các khía cạnh khác của ngôn ngữ. Kết quả thực tế của nhiều sinh viên vẫn còn mang tính đối phó, chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến hiệu quả của môn học chưa cao. Nhiều sinh viên vẫn chưa có cái nhìn rõ ràng về ngôn ngữ dân tộc thiểu số cũng như công tác điền dã ngôn ngữ, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động nghiên cứu sau này.

Do đó, chúng tôi nhận thấy cần phải thực hiện triệt để những biện pháp cụ thể nêu trên để đánh giá lại hoạt động này, từ đó đưa ra những hướng đi thích hợp để hoạt động thực tập thực tế cũng như nghiên cứu ngôn ngữ trở nên thiết thực, đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của khoa Ngôn ngữ học nói riêng, của Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG TPHCM nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-GDDT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội, 2007.
2. Trần Trí Dõi, *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999 (tái bản 2000).
3. Gonczi, Hager, Paul, Athanasou, James A., *The development of competency based assessment strategies for the Professions*, Canberr, 1993).
4. Đặng Vũ Hoạt, *Lí luận dạy học đại học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.
5. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, *Quy chế đào tạo trình độ đại học* (Ban hành theo Quyết định số: 268/QĐ-XHNV-ĐT ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn), Thành phố Hồ Chí Minh, 2020.
6. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học* (Điều chỉnh theo các công văn số 662/XHNV-ĐT; 498/XHNV-ĐT-CTĐT), Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.
7. W. Samarin, *Ngôn ngữ học điền dã (2 tập)*, Đại học Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 1978.